

Số: 884/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt hồ Đại Lải
của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023.

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Thông báo số 145/TB-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phân công chỉ đạo, điều hành hoạt động của ngành, lĩnh vực thay Phó Chủ tịch Phùng Thị Kim Nga;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 462/GP-UBND ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã cấp cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt cho Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 116/TTr-SNNMT ngày 23/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên (*Địa chỉ: Số 221, đường Hai Bà Trưng, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc MST:2500139123*) theo Giấy phép khai thác nước mặt số 462/GP-UBND ngày 13/3/2025 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp phép khai thác nước mặt, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình khai thác nước mặt hồ Đại Lải của Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phúc Yên.

2. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước của công trình: Cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, du lịch - dịch vụ, công nghiệp và sinh hoạt.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

a) Sử dụng nước cho du lịch - dịch vụ với tổng lưu lượng 1.810 m³/ngày đêm.

b) Sử dụng nước cho công nghiệp với tổng lưu lượng 8.040 m³/ngày đêm.

c) Sử dụng nước cho sinh hoạt với tổng lưu lượng 2.650 m³/ngày đêm.

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng:

a) Đối với mục đích cấp nước cho du lịch – dịch vụ (*Cấp nước thô cho Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải, Công ty TNHH Đạt Tiến*): Theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc - Mã nhóm: V303, loại tài nguyên: Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác $G_1 = 5.000$ đồng/01m³ (*Năm nghìn đồng trên một mét khối*).

b) Đối với mục đích cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt (*cấp nước thô cho Công ty Cổ phần cấp nước Setfil*): Theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc - Mã nhóm: V201, loại tài nguyên: Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch – Nước mặt $G_2 = G_3 = 4.000$ đồng/01m³ (*Bốn nghìn đồng trên một mét khối*).

5. Số tiền phải nộp 01 ngày:

a) Đối với mục đích cấp nước cho du lịch – dịch vụ: 271.500 đồng/ngày.

b) Đối với mục đích cấp nước cho công nghiệp: 723.600 đồng/ngày.

c) Đối với mục đích cấp nước cho sinh hoạt: 15.900 đồng/ngày.

6. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền

a) Khai thác nước cấp cho du lịch – dịch vụ, công nghiệp 2.490 ngày, cụ thể:

- Năm 2025 (từ ngày 13/03 đến hết ngày 31/12): 295 ngày.
- Các năm: từ 01/01/2026 đến 31/12/2031: (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12): 2.190 ngày.
- Năm 2032 (từ ngày 01/01 đến hết ngày 05/01): 05 ngày.
- b) Khai thác nước cấp cho sinh hoạt 2.379 ngày, cụ thể:
 - Năm 2025 (từ ngày 01/7 đến hết ngày 31/12): 184 ngày.
 - Các năm: từ 01/01/2026 đến 31/12/2031: (từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12): 2.190 ngày.
 - Năm 2032 (từ ngày 01/01 đến hết ngày 05/01): 05 ngày.

7. Ưu đãi giảm tiền cấp quyền: Không.

8. Tổng số tiền phải nộp: **2.515.625.100 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm đồng*).

Ngày 26/3/2025, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2025 vào ngân sách nhà nước số tiền là: 260.062.500 đồng. Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên phải nộp số tiền còn lại là $2.515.625.100 - 260.062.500 = 2.255.562.600$ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng*). Số tiền phải nộp hàng năm là:

a) Số tiền phải nộp của năm 2025 là: 36.417.600 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng*).

b) Số tiền phải nộp hàng năm của các năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2031) là: 369.015.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi chín triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*).

c) Số tiền phải nộp của năm cuối (năm 2032): 5.055.000 đồng (*Năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm (một lần/năm).

10. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Chi Cục Thuế khu vực VIII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Chi Cục Thuế khu vực VIII có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

2. Yêu cầu Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy

định tại Điều 56 của Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1000/QĐ-CT ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công an tỉnh, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực VIII; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VIII; Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên; Chủ tịch UBND xã Ngọc Thanh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu